

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

Bậc đào tạo: Trung cấp

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2015 TCCN (9+3)																					
1	15TC-Đ	11		7	4	0	0.00	2	18.18	4	36.36	5	45.45	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
2	15TC-NL	5		3	2	0	0.00	1	20.00	2	40.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
3	15TC-Ô	14		10	4	0	0.00	1	7.14	10	71.43	2	14.29	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
4	15TC-QTM	10	1	7	3	0	0.00	0	0.00	8	80.00	2	20.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
TỔNG: 2015		40	1	27	13	0	0.00	4	10.00	24	60.00	9	22.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	
KHÓA 2016 TCCN (9+3)																					
1	16TC-Ô1	64		48	16	0	0.00	1	1.56	9	14.06	13	20.31	8	12.50	11	17.19	0	0.00	22	
2	16TC-MTT	30	28	25	5	0	0.00	3	10.00	5	16.67	7	23.33	6	20.00	7	23.33	0	0.00	2	
3	16TC-QTM	32	2	27	5	0	0.00	0	0.00	5	15.63	9	28.13	9	28.13	5	15.63	0	0.00	4	
TỔNG: 2016		126	30	100	26	0	0.00	4	3.17	19	15.08	29	23.02	23	18.25	23	18.25	0	0.00	28	
CỘNG TCCN(9+3)		166	31	127	39	0	0.00	8	4.82	43	25.90	38	22.89	23	13.86	23	13.86	0	0.00	31	
KHÓA 2016 TCCN (12+2)																					
1	16TN-Đ	6		0	6	0	0.00	1	16.67	2	33.33	3	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
	16TCT-Đ	27		8	19	0	0.00	0	0.00	2	7.41	17	62.96	4	14.81	0	0.00	0	0.00	4	
2	16TCT-Ô1	17		9	8	0	0.00	2	11.76	13	76.47	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
3	16TN-Ô	8		1	7	0	0.00	3	37.50	4	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
	16TCT-Ô2	15		7	8	0	0.00	0	0.00	10	66.67	5	33.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	
4	16TN-QTM	1		0	1	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	####	0	0.0	0	0.00	0	0.00	0	
	16TCT-QTM	20	2	14	6	0	0.00	0	0.00	2	10.00	8	40.00	5	25.00	1	5.00	0	0.00	4	
TỔNG: 2016		94	2	39	55	0	0.00	6	6.38	33	35.11	34	36.17	9	9.57	1	1.06	0	0.00	11	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2015 TCN (9+4)																					
1	15TCN-Đ	21		17	4	0	0.00	0	0.00	1	4.76	13	61.90	2	9.52	0	0.00	1	4.76	4	
2	15TCN-ĐT	25		21	4	0	0.00	4	16.00	16	64.00	1	4.00	0	0.00	0	0.00	1	4.00	3	
3	15TCN-LĐL	30		28	2	0	0.00	0	0.00	6	20.00	13	43.33	6	20.00	4	13.33	1	3.33	0	
4	15TCN-CKL	10		9	1	0	0.00	0	0.00	3	30.00	5	50.00	0	0.00	0	0.00	2	20.00	0	
5	15TCN-Ô1	42		34	8	0	0.00	1	2.38	30	71.43	1	2.38	0	0.00	0	0.00	1	2.38	9	
6	15TCN-MTT	18	15	13	5	0	0.00	0	0.00	5	27.78	2	11.11	1	5.56	0	0.00	0	0.00	10	
7	15TCN-QTM1	54	6	53	1	0	0.00	0	0.00	2	3.70	19	35.19	19	35.19	3	5.56	1	1.85	10	
8	15TCN-KTD	24	18	24	0	0	0.00	3	12.50	11	45.83	3	12.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00	7	
TỔNG: 2015		224	39	199	25	0	0.00	8	3.57	74	33.04	57	25.45	28	12.50	7	3.13	7	3.13	43	
KHÓA 2016 TCN (9+4)																					
1	16TCN-Đ	41		27	14	0	0.00	0	0.00	10	24.39	5	12.20	16	39.02	7	17.07	3	7.32	0	
2	16TCN-ĐT	34		30	4	0	0.00	2	5.88	8	23.53	10	29.41	6	17.65	4	11.76	4	11.76	0	
3	16TCN-LĐL1	45		39	6	0	0.00	0	0.00	3	6.67	17	37.78	19	42.22	2	4.44	0	0.00	4	
4	16TCN-CKL	39	1	28	11	0	0.00	2	5.13	12	30.77	10	25.64	6	15.38	4	10.26	3	7.69	2	
5	16TCN-Ô1	34		21	13	0	0.00	2	5.88	3	8.82	11	32.35	7	20.59	4	11.76	3	8.82	4	
6	16TCN-Ô2	46		37	9	0	0.00	0	0.00	6	13.04	22	47.83	12	26.09	0	0.00	6	13.04	0	
7	16TCN-QTM1	42	4	39	3	0	0.00	0	0.00	6	14.29	13	30.95	11	26.19	3	7.14	6	14.29	3	
8	16TCN-QTM2	26	1	20	6	0	0.00	0	0.00	8	30.77	9	34.62	1	3.85	3	11.54	5	19.23	0	
9	16TCN-KTD	28	26	25	3	0	0.00	3	10.71	7	25.00	5	17.86	6	21.43	2	7.14	0	0.00	5	
10	16TCN-QTD	42	31	32	10	0	0.00	8	19.05	13	30.95	5	11.90	2	4.76	3	7.14	1	2.38	10	
TỔNG: 2016		377	63	298	79	0	0.00	17	4.51	76	20.16	107	28.38	86	22.81	32	8.49	31	8.22	28	
CỘNG TCN		601	102	497	104	0	0.00	25	4.16	150	24.96	164	27.29	114	18.97	39	6.49	38	6.32	71	

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
KHÓA 2017 Trung cấp (1N3_2017)																					
1	17T2-ĐCN1	26		11	15	0	0.00	1	3.85	2	7.69	10	38.46	10	38.46	0	0.00	0	0.00	3	
2	17T2-QTM1	41	3	26	15	0	0.00	0	0.00	2	4.88	9	21.95	9	21.95	2	4.88	0	0.00	19	
TỔNG: 2017T2		67	3	37	30	0	0.00	1	1.49	4	5.97	19	28.36	19	28.36	2	2.99	0	0.00	22	
KHÓA 2017 Trung cấp (3N_2017)																					
1	17T4-ĐCN1	43	1	32	11	0	0.00	0	0.00	3	6.98	11	25.58	9	20.93	5	11.63	0	0.00	15	
2	17T4-ĐCN2	42		30	12	0	0.00	0	0.00	3	7.14	11	26.19	18	42.86	1	2.38	0	0.00	9	
3	17T4-ĐTC1	37	1	29	8	0	0.00	0	0.00	0	0.00	8	21.62	5	13.51	11	29.73	0	0.00	13	
4	17T4-ĐĐT1	63	1	56	7	0	0.00	1	1.59	3	4.76	10	15.87	26	41.27	12	19.05	0	0.00	11	
5	17T4-LĐL1	42		39	3	0	0.00	0	0.00	3	7.14	6	14.29	21	50.00	7	16.67	0	0.00	5	
6	17T4-LĐL2	38		32	6	0	0.00	0	0.00	4	10.53	17	44.74	6	15.79	5	13.16	0	0.00	6	
7	17T4-CNL1	50		40	10	0	0.00	1	2.00	7	14.00	17	34.00	15	30.00	2	4.00	0	0.00	8	
8	17T4-CKL1	36		27	9	0	0.00	0	0.00	3	8.33	2	5.56	11	30.56	7	19.44	0	0.00	13	
9	17T4-CCK1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	1	1.92	15	28.85	14	26.92	7	13.46	0	0.00	15	
10	17T4-CCK2	48		36	12	0	0.00	0	0.00	4	8.33	13	27.08	22	45.83	5	10.42	0	0.00	4	
11	17T4-CNÔ1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	3	5.77	5	9.62	28	53.85	11	21.15	0	0.00	5	
12	17T4-CNÔ2	55		44	11	0	0.00	2	3.64	7	12.73	11	20.00	16	29.09	7	12.73	0	0.00	12	
13	17T4-CNÔ3	58		47	11	0	0.00	1	1.72	4	6.90	19	32.76	16	27.59	2	3.45	0	0.00	16	
14	17T4-CNÔ4	53		43	10	0	0.00	0	0.00	5	9.43	17	32.08	10	18.87	0	0.00	0	0.00	21	
15	17T4-CNM1	49	39	37	12	0	0.00	0	0.00	3	6.12	19	38.78	17	34.69	5	10.20	0	0.00	5	
16	17T4-CMT1	54		46	8	0	0.00	0	0.00	3	5.56	7	12.96	15	27.78	1	1.85	0	0.00	28	
17	17T4-LTM1	70	8	57	13	0	0.00	0	0.00	4	5.71	10	14.29	19	27.14	17	24.29	0	0.00	20	
18	17T4-QTM1	44	2	40	4	0	0.00	1	2.27	6	13.64	19	43.18	7	15.91	0	0.00	0	0.00	11	
19	17T4-QTM2	43	2	35	8	0	0.00	1	2.33	2	4.65	4	9.30	11	25.58	9	20.93	0	0.00	16	

S TT	LỚP	SỈ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
20	17T4-TKW1	29		27	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	3.45	21	72.41	4	13.79	0	0.00	3
21	17T4-THU1	77	22	66	11	0	0.00	0	0.00	5	6.49	9	11.69	15	19.48	36	46.75	0	0.00	12
22	17T4-KTD1	55	46	49	6	0	0.00	1	1.82	7	12.73	9	16.36	19	34.55	6	10.91	0	0.00	13
23	17T4-QTD1	73	32	57	16	0	0.00	0	0.00	6	8.22	8	10.96	34	46.58	11	15.07	0	0.00	14
24	17T4-NNA1	47	24	44	3	0	0.00	1	2.13	3	6.38	21	44.68	13	27.66	1	2.13	0	0.00	8
25	17T4-NNA2	38	20	37	1	0	0.00	1	2.63	8	21.05	11	28.95	12	31.58	2	5.26	0	0.00	4
TỔNG: 2017T4		1248	198	1034	214	0	0.00	10	0.80	97	7.77	280	22.44	400	32.05	174	13.94	0	0.00	287
TỔNG BẠC TC		2.176	336	1.734	442	-	0.00	50	2.30	327	15.03	535	24.59	565	25.97	239	10.98	38	1.75	422

* Ghi chú: Tổng số Học sinh Trung cấp = 2.176 HS. Trong đó có 422 HS không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

Từ TB trở lên	1477	67.88
Yếu Kém	277	12.73
Không xếp loại	422	19.39